

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LA GI,
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **26** /2025/DS-ST

Ngày 18 - 6 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LA GI, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Đức;
2. Bà Đinh Thị Mỹ Hằng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh – Thư ký TAND thị xã La Gi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 344/2024/TLST-DS, ngày 21 tháng 10 năm 2024, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXX-ST, ngày 24 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2025/QĐST-DS, ngày 16 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Thanh T, sinh năm: 1989, nơi cư trú: Khu phố X, phường B.T, thị xã L.G, tỉnh B.T.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Tây T, sinh năm: 1974, nơi cư trú: Xóm Y, thôn Tân Lý Z, xã T.B, thị xã L.G, tỉnh B.T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/7/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Đặng Thanh T trình bày:

Ông T và bà Huỳnh Thị Tây T không có quan hệ huyết thống, trước đây bà T cư trú gần nhà ông T tại phường Bình Tân nên có quen biết. Ngày 11/01/2024, bà T liên hệ đề nghị vay tiền và được ông T đồng ý cho vay số tiền 20.000.000 đồng, các bên giao kết hợp đồng vay tiền do bà T lập tại nhà ông T, tại thời điểm giao kết hợp đồng vay tiền, ông T đã giao đủ 20 triệu đồng cho bà T. Các bên thỏa thuận vay không lãi suất, thời hạn vay từ ngày 11/01/2024 đến ngày 11/7/2024.

Khi hết thời hạn vay, ông T đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà T trả tiền nhưng bà T cam kết trả nhưng không thực hiện. Do vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, ông T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị Tây T phải trả cho ông T số tiền là 20.000.000 đồng nợ gốc. Trước đây, trong đơn khởi kiện ông T có yêu cầu bà T phải trả thêm lãi chậm trả với mức lãi suất là 0,83%/tháng, tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 12/02/2025, ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T phải trả nợ gốc, không yêu cầu trả lãi.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý, tổng đạt các văn bản tố tụng, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng khác, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nhận thấy đủ cơ sở để xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Đặng Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị Tây T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã vay nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Huỳnh Thị Tây T có nơi cư trú tại thôn Tân Lý 2, xã Tân Bình, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân thị xã La Gi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Huỳnh Thị Tây T đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, đồng thời ông Đặng Thanh T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 điều 227 điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả đương sự.

[3] Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/7/2024, ông T khởi kiện yêu cầu bà T phải thanh toán nợ gốc là 20 triệu đồng và nợ lãi là 166.000 đồng tính từ ngày 12/7/2024 đến ngày 12/8/2024, với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Yêu cầu này đã được Tòa án nhân dân thị xã La Gi thụ lý. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả nợ gốc là 20 triệu đồng, không yêu cầu giải quyết đối với tiền lãi. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông T là trong phạm vi khởi kiện và thuộc quyền định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận.

[4] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông T giao nộp tài liệu, chứng cứ là bản chính hợp đồng cho cá nhân vay tiền đề ngày 11/01/2024 giữa ông Đặng Thanh T và bà Huỳnh Thị Tây T, thể hiện nội dung ông T cho bà T vay số tiền là 20 triệu đồng, thời hạn vay là từ ngày 11/01/2024 đến ngày 11/7/2024, không có lãi suất, kể từ thời điểm bên vay ký hợp đồng thì bên vay xác nhận đã nhận đủ số tiền bên cho vay chuyển giao. Hợp đồng được in sẵn có chỗ trống để viết tay thêm vào, có chữ ký, ghi họ và tên bà Huỳnh Thị Tây T.

[6] Bà Huỳnh Thị Tây T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên họp, phiên tòa xét xử vụ án nhưng không cung cấp ý kiến, không nộp tài liệu, chứng cứ, không tham gia các phiên họp, phiên tòa là không thực hiện nghĩa vụ và từ bỏ quyền của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 91 (*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác*

*đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó), khoản 2 Điều 92 (Một bên đương sự thừa nhận hoặc **không phản đối** những tình tiết, sự kiện, **tài liệu**, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn **mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh**) của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ và được chấp nhận.*

[7] Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Huỳnh Thị Tây T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 91, Điều 92, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 463, Điều 466 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thanh T: Buộc bà Huỳnh Thị Tây T phải trả cho ông Đặng Thanh T số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều

357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

+ Ông Đặng Thanh T được nhận lại 504.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi, theo Biên lai thu số 0011879, ngày 10/10/2024.

+ Bà Huỳnh Thị Tây T phải chịu 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Đình Phú